

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TAM NÔNG  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

Số: 55/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 19-9-2022  
“V/v Ly hôn, tranh chấp về  
nuôi con”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG- TỈNH ĐỒNG THÁP**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Hùng Cường.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Hồ Ngọc Thành;

Ông Lê Văn Sáng.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Lê Trần Minh Châu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Nông.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông tham gia phiên tòa:*** Bà Hồ Thị Thuần – Kiểm sát viên.

Vào ngày 19 tháng 9 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 155/2022/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2022, về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 29/2022/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

***1. Nguyên đơn:*** Võ Thanh H, sinh năm: 1969, có mặt.

Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

***2. Bị đơn:*** Trần Thị Kiều L, sinh năm: 1973, vắng mặt.

Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 16/5/2022 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn anh Võ Thanh H trình bày:*

Về hôn nhân: Anh H và chị L tự tìm hiểu và kết hôn với nhau vào năm 2002, có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số: 149/2002, quyền số 01, ngày 13 tháng 6 năm 2002 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Đ đúng theo quy định pháp luật. Sau khi kết hôn anh H và chị L chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do anh H, chị L luôn bất đồng ý

kiến, quan điểm trong cuộc sống, dẫn đến việc vợ chồng thường xuyên cãi nhau, vợ chồng anh nhiều lần hàn gắn tình cảm nhưng không được, anh và chị L sống ly thân từ năm 2015 đến nay, anh H nhận thấy vợ chồng không thể hàn gắn lại được, tiếp tục sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay anh H yêu cầu Toà án giải quyết cho anh được ly hôn với chị L.

Về con chung: Có 02 con chung tên Võ Đăng K, sinh ngày 13/6/2004 và Võ Minh L, sinh ngày 10/01/2007, hai con chung đang sống với anh H. Khi ly hôn, anh H yêu cầu được nuôi cháu L, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu K hiện nay đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản: Tài sản chung: Không có; Về nợ: Không có.

*- Bị đơn chị Trần Thị Kiều L trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa vắng mặt không có văn bản trình bày ý kiến.*

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý, thông báo công khai chứng cứ và hòa giải cho chị L đúng theo quy định, nhưng chị L vắng mặt và cũng không có ý kiến hay yêu cầu gì đối với vụ án trên.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến, quan điểm của Viện kiểm sát về vụ án trên như sau:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và nguyên đơn đều chấp hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn, không có mặt để tham gia hòa giải và tham gia phiên tòa là chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Tuy nhiên, Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục đối với bị đơn nên Viện kiểm sát không có ý kiến, kiến nghị gì về phần tố tụng.

Về đường lối giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Võ Thanh H đối với chị Trần Thị Kiều L.

Về nuôi con: Đề nghị tiếp tục giao con chung của anh H với chị L tên Võ Minh L, sinh ngày 10/01/2007 cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng, chị L không cấp dưỡng nuôi con, do anh H không yêu cầu.

Về chia tài sản: Do đương sự không có yêu cầu nên đề Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Nếu sau này giữa anh H và chị L có phát sinh tranh chấp về chia tài sản thì giải quyết bằng vụ án khác.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Anh H yêu cầu được ly hôn với chị L. Đây là vụ án ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn chị L hiện đang cư trú tại ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án

thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp. Tại phiên tòa bị đơn chị L vắng mặt, Hội đồng xét xử xét thấy, bị đơn chị L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị L là phù hợp theo quy định tại điểm b khoản 2, Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Anh H khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với chị L và yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Võ Minh L nên Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ pháp luật về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo điểm a, khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp:

Về hôn nhân: Hôn nhân giữa anh H và chị L là hoàn toàn tự nguyện và thực tế đã xảy ra. Anh, chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp theo giấy chứng nhận kết hôn số 149, ngày 13/6/2002 đúng theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống anh H, chị L sống rất hạnh phúc, sau một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng ý kiến, quan điểm trong cuộc sống, dẫn đến việc vợ chồng thường xuyên cãi nhau nên đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay. Từ lúc ly thân đến nay hai bên có gặp nhau để hàn gắn tình cảm vợ chồng, nhưng không được. Nay anh H yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với chị L. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý, thông báo công khai chứng cứ và hòa giải cho chị L đúng theo quy định, nhưng chị L vắng mặt, không thể hiện ý chí muốn hàn gắn lại tình cảm với anh H và cũng không có ý kiến hay yêu cầu gì đối với vụ án trên. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án có tiến hành hòa giải để động viên cho anh H và chị L hàn gắn lại tình cảm nhưng chị L không đến, chứng tỏ rằng, chị L không quan tâm gì đến hôn nhân của chị, chị cũng không muốn vợ chồng hàn gắn, chung sống lại với nhau. Xét thấy, anh H và chị L đã ly thân từ năm 2015 đến nay, trong thời gian ly thân hai bên không gặp nhau để hàn gắn lại tình cảm, đời sống chung của anh H và chị L không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, anh H cương quyết ly hôn nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh H đối với chị L là hoàn toàn phù hợp theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về nuôi con: Trong thời gian chung sống anh H và chị L có sinh được 02 con chung tên Võ Đăng K, sinh ngày 13/6/2004 và Võ Minh L, sinh ngày 10/01/2007. Anh H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Võ Minh L, sinh ngày 10/01/2007, anh H không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con. Đối với con chung tên Võ Đăng K, sinh ngày 13/6/2004, hiện nay đã trưởng thành anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử xét thấy, từ khi anh H và chị L ly thân cho đến nay, con chung của anh H và chị L do anh H trực tiếp nuôi dưỡng, trong quá trình nuôi dưỡng, anh H vẫn đảm bảo cho cháu L có cuộc sống ổn định, học tập và phát triển tốt. Anh H hiện nay đang là công chức nhà nước, thu nhập 6.000.000đ/tháng đủ điều kiện để nuôi con. Hơn nữa, tại tờ tường trình ngày 21/6/2022 cháu Luân có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với anh H, nghĩ nên tiếp tục giao cháu L cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với Điều

81 Luật hôn nhân và gia đình. Đối với con chung tên Võ Đăng K, sinh ngày 13/6/2004, hiện nay đã trưởng thành, có khả năng lao động tạo thu nhập nuôi sống bản thân, anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh H không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi cháu Luân nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về chia tài sản: Trong quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa, anh H trình bày anh và chị L không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết đối với tài sản chung và nợ chung của anh H và chị L trong vụ án này, là phù hợp và có căn cứ chấp nhận. Nếu sau này giữa anh H và chị L có phát sinh tranh chấp về chia tài sản thì giải quyết bằng vụ án khác.

[6] Về án phí: Anh Võ Thanh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[7] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa, phù hợp với các chứng cứ đã được thu thập trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, phù hợp với các quy định của pháp luật nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và điểm b khoản 2, Điều 227, khoản 3 Điều 228, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 9, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Võ Thanh H đối với chị Trần Thị Kiều L, theo giấy chứng nhận kết hôn số 149/2002, quyền số 01, ngày 13 tháng 6 năm 2002, của Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Đ. Cho ly hôn giữa anh Võ Thanh H với chị Trần Thị K.

2. Về nuôi con:

2.1 Giao con tên Võ Minh L, sinh ngày 10/01/2007 (hiện đang sống chung với anh Võ Thanh H) cho anh Võ Thanh H tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng.

2.2 Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

2.3 Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Trần Thị Kiều L không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con, anh Võ Thanh H không yêu cầu chị Trần Thị Kiều L cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về án phí: Anh Võ Thanh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số: 0003703 ngày 20 tháng 5 năm 2022, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

Báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án hôm nay. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND T. Đồng Tháp;
- VKSND huyện Tam Nông;
- Chi cục THADS huyện Tam Nông;
- UBND xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Hùng Cường**